

Bản án số: 02/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 21/9/2022

V/v ly, hôn, nuôi con chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B – TỈNH BẮC KẠN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lý Thị Thúy

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Phạm Thị Loan

Bà La Thị Hà

Thư ký phiên tòa: Ông Cao Văn Thuận – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bắc Kạn

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Minh Phong - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bắc Kạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 05/2022/TLST – HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2022 về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 9 năm 2022 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Chị Nông Thị M, sinh năm 1979

Nơi ĐKKHKT: Thôn K, xã Q, huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Có mặt tại phiên tòa.

2. **Bị đơn:** Anh Triệu Văn S, sinh năm 1977

Nơi ĐKKHKT: Thôn K, xã Q, huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 06/4/2022 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là chị Nông Thị M trình bày: Chị và anh Triệu Văn S đăng ký kết hôn ngày 10/5/1997 tại UBND xã H nay là xã Q, huyện Bạch Thông, tỉnh Bắc Kạn. Trước khi kết hôn có được tìm hiểu và không bị ai cưỡng ép, ép buộc kết hôn. Sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng hạnh phúc. Từ năm 2018 vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do tình tình không hợp, bất đồng quan điểm, lối sống. Chị và anh S ly thân từ đầu năm 2020 đến nay. Từ khi ly thân chị không quan tâm đến anh S nữa. Nay chị xác định không còn tình cảm với anh S nữa và yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn giữa chị với anh S.

Về con chung: Chị và anh S có hai con chung là Triệu Thị L, sinh ngày 12/3/1998, (bị bệnh tâm thần phân liệt nhưng hàng ngày vẫn giúp lao động và chị cũng chưa làm hồ sơ hưởng trợ cấp cho Triệu Thị L) và Nông Triệu T, sinh ngày 26/3/2006 (khỏe mạnh phát triển bình thường). Khi ly hôn chị M không yêu cầu giải quyết về nuôi con chung đối với Triệu Thị L. Đối với Nông Triệu T có nguyện vọng ở cùng bố nên chị cũng nhất trí.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về vay nợ chung: Chị và anh S không có vay nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án anh Triệu Văn S trình bày: Anh và chị Nông Thị M đăng ký kết hôn ngày 10/5/1997 tại UBND xã H nay là xã Q, huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Trước khi kết hôn có được tìm hiểu và không bị ai cưỡng ép, ép buộc kết hôn. Sau khi kết hôn anh và chị M sinh sống cùng gia đình chị M. Từ năm 2020 vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do chị M đòi quản lý kinh tế. Anh và chị M ly thân từ năm 2020 đến nay. Từ khi ly thân anh chị sống chung nhà nhưng không quan tâm đến nhau nữa. Nay anh xác định không còn tình cảm với chị M nữa. Chị M xin ly hôn anh không nhất trí,

Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Anh và chị M có hai con chung là Triệu Thị L, sinh ngày 12/3/1998, (bị bệnh tâm thần phân liệt nhưng hàng ngày vẫn giúp lao động và chị cũng chưa làm hồ sơ hưởng trợ cấp cho Triệu Thị L) và Nông Triệu T, sinh ngày 26/3/2006 (khỏe mạnh phát triển bình thường). Khi ly hôn chị M không yêu cầu giải quyết về nuôi con chung đối với Triệu Thị L tôi cũng nhất trí và tôi sẽ có trách nhiệm nuôi con chung là Nông Triệu T và không yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chúng tôi có nhà và ruộng đất, anh yêu cầu chia tài sản chung.

Về vay nợ chung: Anh và chị M không có vay nợ chung.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành tổ chức về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và xác minh tại UBND xã Q, huyện B, tỉnh Bắc Kạn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật: Chị Nông Thị M và anh Triệu Văn S có đăng ký kết hôn tại UBND xã H nay là xã Q, huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Quá trình chung sống có phát sinh mâu thuẫn nên chị M khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, nuôi con chung do đó quan hệ pháp luật được xác định là “Tranh chấp về việc không công nhận quan hệ vợ chồng” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và Điểm a, khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Xét yêu cầu xin ly hôn: Chị M và anh S đăng ký kết hôn ngày 10/5/1997 tại UBND xã H nay là xã Q, huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Trước khi kết hôn có được tìm hiểu và không bị ai cưỡng ép, ép buộc kết hôn. Sau khi kết hôn cuộc sống vợ chồng hạnh phúc. Từ năm 2018 vợ chồng chị M anh S xảy ra mâu thuẫn do tình tình không hợp, bất đồng quan điểm, lối sống. Chị M và anh S đã ly thân từ đầu năm 2020 đến nay. Từ khi ly thân chị M anh S không quan tâm đến nhau nữa. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa anh S không đồng ý ly hôn với lý do là chưa chia tài sản chung và anh S cũng thừa nhận không còn tình cảm với chị M. Như vậy, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị M và anh S đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được do đó cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị M.

[3]. Về con chung: Chị M và anh S có hai con chung là Triệu Thị L, sinh ngày 12/3/1998, đã trưởng thành và Nông Triệu T, sinh ngày 26/3/2006, khỏe mạnh phát triển bình thường.

Chị M trình bày và cung cấp hồ sơ bệnh án ngoại trú thể hiện Triệu Thị L bị bệnh tâm thần phân liệt nhưng hàng ngày vẫn giúp chị lao động và chị cũng chưa làm hồ sơ hưởng trợ cấp cho Triệu Thị L. Khi ly hôn chị M không yêu cầu giải quyết về nuôi con chung đối với Triệu Thị L nên không xem xét giải quyết.

Đối với con chung là Nông Triệu T có nguyện vọng ở cùng anh S, chị M và anh S cũng nhất trí do đó giao con chung là Nông Triệu T cho anh S trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

[4]. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị M và anh S không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét giải quyết.

[5]. Về tài sản chung: Chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết. Quá trình giải quyết vụ án anh S có yêu cầu Tòa án giải quyết về chia tài sản chung. Ngày 15/6/2022 Tòa án đã có văn bản yêu cầu anh S cung cấp các tài liệu chứng cứ chứng minh về khối tài sản chung tuy nhiên anh S đã không cung cấp cho Tòa án do đó không xem xét giải quyết về tài sản chung trong vụ án này.

[6]. Về vay nợ chung: Chị M và anh S không có tài sản chung và vay nợ chung nên không xem xét giải quyết.

[7]. Về án phí: Chị Nông Thị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[8]. Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Bắc Kạn phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, HĐXX, Thư ký và những người tham gia tố tụng và không có yêu cầu, kiến nghị gì về tố tụng và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu xin ly hôn, nuôi con chung của chị M.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 147, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 9, điều 51, khoản 1 Điều 53, điều 56, điều 58, Điều 81, 82, 83 và điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Căn cứ Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2014 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nông Thị M.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nông Thị M được ly hôn với anh Triệu Văn S.

- Về con chung: Chị M và anh S có hai con chung là Triệu Thị L sinh ngày 12/3/1998, đã trưởng thành, không yêu cầu giải quyết và Nông Triệu T, sinh ngày 26/3/2006, khỏe mạnh phát triển bình thường.

Giao con chung là Nông Triệu T cho anh S trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Chị M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không bị ai cản trở.

- Về tài sản chung: Không xem xét giải quyết.

- Về vay nợ chung: Chị Nông Thị M và anh Triệu Văn S không có vay nợ chung nên không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Chị Nông Thị M phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000530 ngày 04/5/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bắc Kạn. Anh Triệu Văn S không phải chịu án phí.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành bản án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30

Luật thi hành án dân sự”.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKS huyện B; 2
- TAND tỉnh; 1
- THADS B; 1
- Các đương sự; 2
- UBND xã Q;
- Hồ sơ vụ án; 1
- Lưu. 1

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(đã ký)

Lý Thị Thúy